

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thanh.
2. Ông Lê Khắc Dũng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 462/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Đặng Quốc V, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

*Về hôn nhân:* Tôi (T) và anh Đặng Quốc V tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 05/12/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, từ tháng 7/2023 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về công việc làm ăn và gia đình

nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bên cạnh đó, anh V thiếu sự tôn trọng đối với gia đình tôi. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Quốc V.

*Về con chung:* Vợ chồng tôi sinh được 01 con chung là Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/10/2018. Sau khi vợ chồng sống ly thân, con chung K do tôi nuôi dưỡng. Vì vậy, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Nguyễn Duy K đến khi đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn anh Đặng Quốc V, tuy nhiên anh V đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Quốc V; về con chung: giao con chung là Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/10/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:**

- Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Quốc V và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Bị đơn anh Đặng Quốc V được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần 2 nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết

định xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Quốc V là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:**

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Quốc V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/12/2016 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa chị Tg và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: Chị T và anh V chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Đến tháng 7 năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do không duy trì được đời sống chung nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về công việc làm ăn và gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bên cạnh đó, anh V thiếu sự tôn trọng đối với gia đình vợ. Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không thể hàn gắn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Xét yêu cầu của nguyên đơn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/10/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về điều kiện của chị T: Căn cứ vào kết quả xác minh và bảng lương do chị T cung cấp lưu hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, xác định chị Nguyễn Thị T đang công tác tại Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Đông Đắk Lắk, có mức thu nhập hàng tháng là 14.500.000<sup>d</sup> (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, xác định: chị T có công việc và mức thu nhập ổn định.

Đối với anh Đặng Quốc V, qua xác minh chính quyền địa phương không xác định được anh V làm nghề gì, có mức thu nhập như thế nào. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng anh V làm nghề tự do, thu nhập không ổn định.

Hơn nữa, sau khi vợ chồng sống ly thân, con chung Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/10/2018 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, con chung còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ.

Vì vậy, xét về điều kiện mọi mặt và để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của con chung, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giao con chung là Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/10/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Nguyên đơn chị T không yêu cầu giải

quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Đặng Quốc V có quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở, tuy nhiên anh Đặng Quốc V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000189 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Về hôn nhân**: Tuyên xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Quốc V.

**2. Về con chung**: Giao con chung Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/10/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Đặng Quốc V có quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở, tuy nhiên anh Đặng Quốc V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung và nợ chung**: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2023/0000189 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Xuân Chiến**



